

Bản án số: 02/2020/DS-PT

Ngày: 09/01/2020

V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Quý Chi

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Nguyễn Văn Thu

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bảo Yên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:***  
Ông Đỗ Văn Quyết - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thụ lý số 141/2019/DS-PT ngày 02/12/2019 về việc “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2019/QĐPT-DS ngày 20/12/2019, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1959 (vắng mặt)  
Bà Đỗ Thị Như L, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Các nguyên đơn cùng cư trú tại: Khu phố B, phường L, TX. P, tỉnh Bình Phước.

***Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn:*** Ông Phí Ngọc M, sinh năm 1989, địa chỉ: Khu phố M, phường L, TX. P, tỉnh Bình Phước. (có mặt).

***2. Bị đơn:*** Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1970, trú tại: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông Phan Mạnh Th, sinh năm 1974, hiện ở cùng bà Th và có nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã V, thành phố B (có mặt) .*

3. *Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Th.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 20 tháng 8 năm 2013 ông Nguyễn Mạnh T và bà Đỗ Thị Như L có cho bà Phạm Thị Th vay số tiền 75.000.000 đồng, khi vay thì có lập giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Từ khi vay đến nay bà Th chưa trả được cho ông T, bà L số tiền nợ gốc và lãi suất nào cả, mặc dù ông T, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà Th trả tiền nhưng bà Th không trả. Nay ông T, bà L khởi kiện yêu cầu bà Th trả số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Phạm Thị Th trả số tiền lãi suất phát sinh từ ngày 20/8/2013 cho đến khi trả hết nợ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Mạnh T, bà Đỗ Thị Như L với bà Phạm Thị Th có lập giấy vay tiền nhưng thực chất bà Th không vay tiền của ông T, bà L, giấy vay tiền có liên quan đến việc ông T có giữ của bà Th 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Th bị ông T ép buộc ký vào giấy vay tiền. Nay ông T, bà L khởi kiện yêu cầu bà Th trả số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng thì bà Th không đồng ý vì bà Th không vay số tiền này.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:*

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218 và 219 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T và bà Đỗ Thị Như L.

Buộc bà Phạm Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Mạnh T và bà Đỗ Thị Như L số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất.

*Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 19/7/2019, bị đơn bà Phạm Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phan Mạnh Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại quan hệ pháp luật của vụ án và căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Th, giữ nguyên phần quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét giao dịch vay tiền của các bên được thực hiện từ ngày 20/8/2013, khi lập giấy biên nhận vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn vay tiền là 06 tháng từ 20/8/2013 đến ngày 20/02/2014. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu để nguyên đơn trong vụ án này khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là 03 năm kể từ ngày 21/02/2014. Tuy nhiên, đến ngày 21/01/2019 nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đã hết thời hiệu để khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Trường hợp này, Tòa án căn cứ quy định tại các điều 184, 185 Bộ luật tố tụng dân sự và các điều 149, 154, 155, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 (và hướng dẫn tại nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "Những quy định chung" của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung) để xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Đòi lại tài sản" theo Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần điều chỉnh lại phần này cho phù hợp và áp dụng thống nhất.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Th Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng, vào ngày 20/8/2013 ông T bà L có cho bà Th vay 75.000.000đồng nên yêu cầu bà Th phải trả số tiền này, còn bà Th thì không thừa nhận việc mình có vay tiền. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và phía bị đơn đều thừa nhận vào ngày 20/8/2013 các bên có lập Giấy vay tiền với nội dung: "Tôi

*Phạm Thị Th..... có vay tiền của bà Đỗ Thị Như L, thường trú tại ....số tiền là 75.000.000 đồng (bảy hai triệu đồng chẵn). Thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 20/8/2013 đến hạn cuối là ngày 20/02/2014. Nếu bà Th không trả được thì bà Th phải chịu lãi suất phạt bằng 200% lãi phạt của Ngân hàng nhà nước lúc đó” (bút lục 34).*

[2.2] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Th là ông Phan Mạnh Th cho rằng thực chất bà Th không vay tiền của ông T, bà L mà việc bà Th ký vào giấy vay tiền là do trước đó bà Th muốn có 500.000.000đồng để lo cho con đi xuất khẩu lao động nên có giao cho ông T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) của bà để nhờ ông T liên hệ thủ tục vay tiền của ngân hàng - ông T là nhân viên ngân hàng. Do ông T nói đất của bà Th chỉ thế chấp vay được khoảng 250 đến 300.000.000 đồng, để vay được số tiền 500.000.000 đồng, ông T đã ép bà Th cùng một lúc phải viết giấy vay của ông T 75.000.000 đồng và viết giấy tay bán đất của bà Th cho ông T với giá 400.000.000 đồng. Nhưng sau đó, ngân hàng không cho vay tiền còn ông T thì vẫn giữ giấy vay tiền, giấy tay bán đất và GCNQSDĐ của bà Th từ đó đến nay chứ bà Th không nhận khoản tiền vay nào của vợ chồng ông T. Vì vậy, bà Th không đồng ý trả 75.000.000 đồng.

[2.3] Hội đồng xét xử thấy rằng, tại thời điểm lập Giấy vay tiền các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng để nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình trước pháp luật khi tham gia giao kết hợp đồng. Tại phiên tòa, ông Th không chứng minh được việc bà Th bị ép phải viết giấy vay tiền chỉ là để phục vụ việc nhờ ông T vay tiền của ngân hàng như ông trình bày. Về việc này, chính ông cũng xác nhận khi đó ông T chỉ nói phải viết như vậy thì mới vay được số tiền lớn chứ ông T không dùng các hành vi khác để ép buộc bà Th phải viết giấy vay tiền trái ý muốn của bà. Đối với việc các bên có lập giấy tay bán đất, phía nguyên đơn không thừa nhận và ông Th cũng không chứng minh được có việc này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc bà Th phải có nghĩa vụ trả cho ông T và bà L số tiền nợ 75.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của bà Th không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Ngoài ra, xét tại phiên tòa ông Th có cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 bản sao GCNQSDĐ số BL 202282 do UBND huyện B cấp cho bà Th ngày 04/02/2013 với diện tích 8024m<sup>2</sup> và một bản phô tô Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất được Phó chủ tịch UBND xã P, huyện B chứng thực ngày 01/11/2013 với nội dung bà Th đồng ý sang nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông T, bà L với giá 200.000.000 đồng. Ông Th khẳng định hợp đồng chuyển nhượng trên không phải là giấy bán đất viết tay mà ông đã trình bày ở trên và cũng không liên quan đến việc vay mượn số tiền 75.000.000 đồng mà nguyên đơn đang khởi kiện, bà Th cũng không yêu cầu phía nguyên đơn phải trả lại GCNQSDĐ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về Giấy CNQSDĐ cũng như hợp đồng chuyển nhượng trên.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các điều 184, 185 của Bộ luật tố tụng dân sự và các điều 149, 154, 155, 688, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Đòi lại tài sản”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Th; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước về các nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự;

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218 và 219 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T và bà Đỗ Thị Như L;

Buộc bà Phạm Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Mạnh T và bà Đỗ Thị Như L số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Th phải chịu 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Chi cục thi hành án dân sự huyện B trả lại cho ông Nguyễn Mạnh T và bà Đỗ Thị Như L số tiền 3.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019633 ngày 28 tháng 01 năm 2019.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà Th đã nộp theo Biên lai thu số 0019953 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện huyện B.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi*

*hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Đinh Thị Quý Chi**